

Số: 33../QĐ-BVĐHYD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt vật tư cho máy phát điện Mitsubishi MGS2000B/S16R-PTA2-S

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 3639/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Quyết định số 727/QĐ-BYT ngày 15 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 2758/QĐ-BVĐHYD ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP HCM về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp và lắp đặt vật tư cho máy phát điện Mitsubishi MGS2000B/S16R-PTA2-S;

Theo đề nghị của Tổ Chuyên gia tại Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt vật tư cho máy phát điện Mitsubishi MGS2000B/S16R-PTA2-S và Báo cáo thẩm định số 02../BCTĐ-TTĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Tổ Thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt vật tư cho máy phát điện Mitsubishi MGS2000B/S16R-PTA2-S.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp và lắp đặt vật tư cho máy phát điện Mitsubishi MGS2000B/S16R-PTA2-S với các nội dung sau:

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty TNHH MHI Engine System Việt Nam;
- Giá trúng thầu: 172.188.225 VND (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn hai trăm hai mươi lăm đồng);

Giá trên đã bao gồm thuế, phí và các chi phí có liên quan.

- Danh mục trúng thầu: theo phụ lục đính kèm;
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;



- Nguồn vốn: Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Phòng Quản trị tòa nhà chịu trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

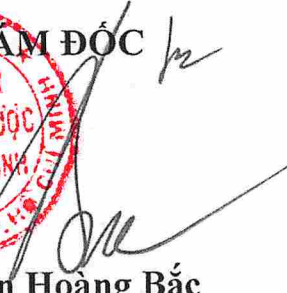
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Phòng Quản trị tòa nhà chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, QTTN (J16-195-dtthuy) (3).




Nguyễn Hoàng Bắc

PHỤ LỤC. DANH MỤC TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số 33./QĐ-BVĐHYD ngày 19/01/2021)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Đệm kín nắp máy 25 x 13cm (O-RING ROCKER COVER) Mã phụ tùng: 37504-66200 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	128.700	4.118.400
2	Lọc nhớt Ø12 x 26cm (FILTER CARTRIDGE) Mã phụ tùng: 37540-02100A Xuất xứ: Indonexia	cái	2	1.499.850	2.999.700
3	Lọc nhớt Ø11 x 25cm (ELEMENT L,O CTRG) Mã phụ tùng: 37540-11100A Xuất xứ: Indonexia	cái	8	1.037.850	8.302.800
4	Vòng đệm Ø1 cm (WASHER) Mã phụ tùng: 05946-01001 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	21.450	686.400
5	Vòng đệm Ø1,4cm (WASHER) Mã phụ tùng: 05946-01401 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	26.400	844.800
6	Lò xo kim phun 2cm (SPRING NOZZLE) Mã phụ tùng: 37561-26400 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	4	186.450	745.800
7	Đệm kín Ø2,7cm (GASKET NOZZLE) Mã phụ tùng: 37561-16800 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	24.750	792.000
8	Vòng cao su Ø4,5cm (O-RING) Mã phụ tùng: 05507-10420 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	79.200	2.534.400
9	Vòng cao su Ø4cm (O-RING) Mã phụ tùng: 05507-10340 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	70.950	2.270.400
10	Vòng cao su Ø2,6cm (O-RING) Mã phụ tùng: 05507-10260 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	32	64.350	2.059.200
11	Lọc nhiên liệu Ø9,5 x 15 cm (ELEMENT) Mã phụ tùng: 32562-60300 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	8	783.750	6.270.000

TÊN
HUYỆN
QUY ĐỊNH
HỒ CHÍ MINH
ĐƯỢC T

nh

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
12	Vòng đệm Ø2cm (WASHER) Mã phụ tùng: 05946-00801 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	8	18.150	145.200
13	Đầu kim phun Ø4,5 x 2cm (TIP ASSY NOZZLE) Mã phụ tùng: 37561-17100 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	4	3.186.150	12.744.600
14	Nước giải nhiệt 18 lít/can Mã phụ tùng: 05393-25300 Xuất xứ: Nhật Bản	can	15	3.544.695	53.170.425
15	Đệm kín 6 x 6,5cm (GASKET) Mã phụ tùng: 04829-70651 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	4	204.600	818.400
16	Đai siết Ø10cm (CLAMP) Mã phụ tùng: 05317-51001 Xuất xứ: Nhật Bản hoặc Anh Quốc	cái	32	226.050	7.233.600
17	Đai siết Ø12cm (CLAMP) Mã phụ tùng: 05317-51401 Xuất xứ: Nhật Bản hoặc Anh Quốc	cái	16	235.950	3.775.200
18	Ống cao su Ø11 x 15cm (HOSE RUBBER) Mã phụ tùng: 45960-19015 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	2	3.240.600	6.481.200
19	Ống cao su Ø11 x 20cm (HOSE RUBBER) Mã phụ tùng: 45960-19020 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	2	5.083.650	10.167.300
20	Ống cao su Ø9 x 18cm (HOSE RUBBER) Mã phụ tùng: F4010-76018 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	8	1.138.500	9.108.000
21	Vòng cao su Ø5cm (O-RING) Mã phụ tùng: F3153-07500 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	4	143.550	574.200
22	Đệm kín Ø19cm (PACKING) Mã phụ tùng: 04826-28090 Xuất xứ: Nhật Bản	cái	2	537.900	1.075.800
23	Chi phí lắp đặt, thay phụ tùng cho máy phát điện	1	gói	35.270.400	35.270.400

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
	- Thực hiện lắp đặt phụ tùng cho 02 máy phát điện Mitsubishi - Thực hiện thay nước giải nhiệt - Thực hiện lắp đặt phụ tùng của ống cao su cho 02 máy phát điện Mitsubishi				
	Tổng cộng đã bao gồm thuế				172.188.225

